

**SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÓM 2021 –
BẢO HIỂM TỬ VONG, THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN**

(Kèm theo Công văn số 13525 / BTC-QB ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính)

**Bảng tỷ lệ Phí bảo hiểm
(Nhóm nghề nghiệp 1)
(Tính trên 1.000 đồng STBH)**

Tuổi	Nam	Nữ
18	0,97	0,59
19	1,08	0,65
20	1,28	0,79
21	1,39	0,81
22	1,49	0,81
23	1,58	0,81
24	1,66	0,76
25	1,67	0,70
26	1,58	0,68
27	1,49	0,63
28	1,46	0,59
29	1,42	0,58
30	1,40	0,56
31	1,39	0,58
32	1,40	0,59
33	1,42	0,61
34	1,48	0,65
35	1,57	0,70
36	1,66	0,77
37	1,75	0,85
38	1,87	0,95
39	2,02	1,04
40	2,18	1,17
41	2,36	1,26
42	2,59	1,39
43	2,84	1,49

Tuổi	Nam	Nữ
44	3,15	1,60
45	3,53	1,71
46	3,87	1,85
47	4,25	2,03
48	4,66	2,21
49	5,09	2,47
50	5,51	2,72
51	5,90	2,99
52	6,25	3,31
53	6,53	3,65
54	6,75	4,00
55	6,93	4,36
56	7,56	4,77
57	8,26	5,18
58	9,05	5,60
59	10,01	6,03
60	11,14	6,48
61	12,29	6,86
62	13,70	7,34
63	15,35	7,90
64	17,35	8,68
65	19,67	9,68
66	22,28	10,94
67	25,25	12,49
68	28,60	14,42
69	32,31	16,76



Lưu ý:

Nếu Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm nhóm- Bảo hiểm tử vong, TTTB&VV có Phạm vi địa lý bảo hiểm toàn cầu, Tỷ lệ phí bảo hiểm tương ứng sẽ tăng thêm 2,5%

Phí bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm nhóm này sẽ được điều chỉnh dựa trên Nhóm nghề nghiệp của NĐBH với hệ số điều chỉnh là 110%, 125% và 150% tương ứng với Nhóm nghề nghiệp 2, 3 và 4

